



Bài 26. **THỰC HÀNH: TÌM HIỂU TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÊN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN TRONG SẢN XUẤT**

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.

Nội dung thực hành

Tìm hiểu về sự tác động của các hoạt động sản xuất (ví dụ: chăn nuôi gia súc, làm đường giao thông, khai thác khoáng sản,...) ở địa phương lên môi trường tự nhiên.

Chuẩn bị

- Thành lập nhóm và lựa chọn một hoạt động sản xuất ở địa phương để cùng tìm hiểu về sự tác động của hoạt động sản xuất đó lên môi trường tự nhiên.
- Các nhóm chuẩn bị nội dung thảo luận và lựa chọn hình thức viết báo cáo (bài viết, sơ đồ, tranh ảnh, video clip,...) về những tác động tích cực và tiêu cực của hoạt động sản xuất ở địa phương lên môi trường tự nhiên.
- Các nhóm tiến hành thu thập, sưu tầm tranh ảnh, số liệu, video clip,... để làm minh chứng cho những tác động tích cực và tiêu cực của hoạt động sản xuất ở địa phương lên môi trường tự nhiên.

Tổ chức thực hành

- Các nhóm trao đổi, thảo luận để hoàn thiện sản phẩm học tập.
- Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm trước lớp.
- Nhận xét và đánh giá sản phẩm của nhóm mình và sản phẩm của nhóm bạn.
- Đưa ra thông điệp tuyên truyền cho người dân ở địa phương về việc sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường tự nhiên thông qua hoạt động sản xuất.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Phần Lịch sử

| | Thuật ngữ |
|---|---|
| A | <p>An Nam đô hộ phủ: tên đơn vị hành chính do nhà Đường đặt ra để chỉ nước ta.</p> |
| B | <p>Bắc thuộc: thời kì nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ kéo dài hơn một nghìn năm (từ năm 179 TCN đến năm 938).</p> <p>Bồ chính (hay Già làng): người có uy tín, đứng đầu các chiềng, chạ thời Văn Lang, Âu Lạc.</p> <p>Bộ lạc: đơn vị hành chính nước ta thời Văn Lang, Âu Lạc.</p> <p>Bộ lạc: tổ chức xã hội trong thời kì công xã nguyên thuỷ, gồm những thành viên cùng dòng máu, sống trên một vùng đất, có ngôn ngữ chung, có một số tài sản chung, có tên gọi riêng. Đứng đầu bộ lạc là một Tù trưởng.</p> |
| C | <p>Chiềng, chạ: tên gọi các làng xã thời Văn Lang, Âu Lạc.</p> <p>Chủ nô: giai cấp thống trị trong xã hội chiếm hữu nô lệ, chiếm hữu phần lớn tư liệu sản xuất và bóc lột nô lệ thậm tệ, biến nô lệ thành của riêng, thành “công cụ biết nói”. Chủ nô có thể lực về kinh tế và điều hành xã hội chiếm hữu nô lệ.</p> <p>Cỗ đại: thời đại của các quốc gia đầu tiên (theo chế độ chuyên chế cỗ đại hay chiếm hữu nô lệ) ở các khu vực trên thế giới hoặc thời đại của những nền văn minh đầu tiên của nhân loại.</p> <p>Công nguyên: mốc thời gian theo quy ước (lấy năm Chúa Giê-su ra đời theo truyền thuyết làm năm bắt đầu).</p> |
| D | <p>Di chỉ: nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa.</p> <p>Di tích: dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất, trên mặt đất hoặc trên, dưới mặt nước có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử.</p> |
| D | <p>Đế chế: nước lớn mà người đứng đầu là vua hoặc hoàng đế, đã bành trướng, xâm lược một số nước khác.</p> <p>Địa chủ: người chiếm hữu ruộng đất lớn, sống bằng phát canh thu tô, bóc lột nông dân dưới chế độ phong kiến, thực dân.</p> <p>Đồng hóa: chính sách của lực lượng thống trị nước ngoài nhằm làm mất các đặc điểm truyền thống của một dân tộc, bắt phải sinh hoạt theo kiểu của thế lực thống trị.</p> |

| | |
|---|---|
| H | <p>Hào trưởng: người có quyền lực lớn nhất trong một địa phương ở nông thôn thời phong kiến.</p> <p>Hùng Vương: cách gọi tên các vị vua nước Văn Lang.</p> |
| K | <p>Kháng chiến: chiến đấu chống quân xâm lược.</p> <p>Kim tự tháp: những lăng mộ của các Pha-ra-ông ở Ai Cập cổ đại, gồm những khối đá lớn được xếp chồng lên nhau theo hình tháp nhọn.</p> <p>Khởi nghĩa: hình thức đấu tranh cao nhất của giai cấp hay dân tộc bị áp bức đứng lên cầm vũ khí nhằm đánh đổ kẻ thù của mình để thiết lập một chế độ tốt đẹp hơn.</p> |
| L | <p>Lạc dân: tên gọi trong sử cũ của nhà Hán chỉ những người Việt cổ trong các công xã thời Văn Lang, Âu Lạc.</p> <p>Lạc hầu: chức quan thời Văn Lang, Âu Lạc.</p> <p>Lạc tướng: những quý tộc người Việt ở các địa phương đứng đầu một bộ thời Văn Lang, Âu Lạc.</p> |
| N | <p>Nguyên thuỷ (thời đại): thuộc về giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của loài người, cho đến trước khi bước vào xã hội có giai cấp và nhà nước.</p> <p>Nô lệ: những người thuộc giai cấp bị trị dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, vật sở hữu của chủ nô.</p> <p>Nô tì: người không có thân phận tự do, làm nông nghiệp hay công việc trong nhà cho chủ.</p> <p>Nông dân: thuật ngữ chỉ người lao động sản xuất nông nghiệp.</p> |
| P | <p>Phong kiến: chế độ xã hội xây dựng trên cơ sở quan hệ bóc lột của quý tộc, địa chủ chiếm nhiều ruộng đất đối với nông dân (hay nông nô) bằng hình thức tô, thuê.</p> |
| T | <p>Thành bang: một hệ thống chính trị bao gồm một thành phố độc lập, có chủ quyền đối với lãnh thổ tiếp giáp, đóng vai trò là trung tâm đời sống chính trị, kinh tế và văn hoá.</p> |
| V | <p>Viện Nguyên lão: một tổ chức chính trị lâu đời ở La Mã cổ đại, gồm những quý tộc cao tuổi, uyên bác trong xã hội.</p> |